

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN SỸ

**BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO HÀNH VI
THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Hiến pháp – Hành chính

Mã số : 9 38 01 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VŨ THU

Phản biện 1: GS.TS. THÁI VĨNH THẮNG

Phản biện 2: TS. NGUYỄN QUỐC HIỆP

Phản biện 3: PGS.TS. PHẠM HỮU NGHỊ

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vào hồi giờ ... ngày tháng năm 201...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở nước ta các triều đại phong kiến đã ban hành các chiếu sách, bảo vệ người dân, ngày nay Đảng và Nhà nước ta coi việc bảo vệ người tố cáo là phương thức quản lý nhà nước, xã hội thể hiện từ Hiến pháp 1959 đến Hiến pháp 2013 và Nhà nước đã thể chế hóa bằng pháp luật phù hợp. Nhờ đó nhiều vụ án tham nhũng được phát hiện xử lý nghiêm, Nhà nước thấy được những yếu kém để khắc phục. Tuy vậy, tham nhũng không giảm mà còn gia tăng nhưng số vụ bị phát hiện giảm, không phải làm tốt mà chưa bảo vệ được người tố cáo nên ít ai dám tố cáo tham nhũng. Thực trạng thù người tố cáo rất phổ biến, trù dập, cô lập, kỳ thị đánh mất việc làm, xâm phạm tính mạng sức khỏe, tài sản... gây bức xúc trong đời sống xã hội.

Vấn đề mang tính cấp bách nhưng chưa có nghiên cứu nào, đó đó tác giả chọn vấn đề ***“Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”*** làm luận án Tiến sĩ Luật học, góp phần hoàn thiện pháp luật nước ta.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích: làm sáng tỏ lý luận và thực tiễn, đề xuất các quan điểm, giải pháp đổi mới và tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

- Nhiệm vụ: làm rõ khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, phạm vi giới hạn; phân tích yếu tố ảnh hưởng điều chỉnh và áp dụng pháp luật; đánh giá thực trạng bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trong quản lý nhà nước; các quy định pháp luật và áp dụng thực tiễn; chỉ ra những tồn tại hạn chế, nguyên nhân, đề xuất hoàn thiện để pháp luật bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng là những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trên phương diện quản lý nhà nước và các quy định pháp luật cũng như các quyền công dân. Về phạm vi

Luật Hiến pháp - Luật Hành chính; không gian ở Việt Nam và một số vấn đề liên quan ở nước ngoài; thời gian chủ yếu 10 năm gần đây.

4. Phương pháp nghiên cứu

Chương 1, 2, phân tích và tổng hợp, so sánh, hệ thống, lịch sử; Chương 3, phương pháp lịch sử, phân tích, so sánh, thống kê, khảo sát, điều tra xã hội học tổng hợp đánh giá và Chương 4, phân tích, hệ thống, tổng hợp, luật học so sánh, dự báo, đề ra giải pháp hoàn thiện.

5. Đóng góp mới khoa học của luận án

Giúp người đọc thấy toàn diện về lý luận và thực tiễn về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng; góp phần làm rõ bản chất, đặc điểm vai trò, khái niệm, yếu tố tác động; đánh giá thực trạng và đưa ra luận cứ khoa học quan điểm, giải pháp, bổ sung chính sách pháp luật, tăng cường bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Về lý luận: làm phong phú về quyền được bảo vệ tố cáo, gợi mở hướng nghiên cứu mới; giúp cơ quan tuyên truyền có nguồn tư liệu tham khảo và sử dụng giảng dạy về lý luận nhà nước và pháp luật, quản lý nhà nước.

- Về thực tiễn: đánh giá pháp luật và thực hiện pháp luật bảo vệ người tố cáo; đưa ra các luận cứ khoa học, hướng giải pháp giúp các nhà lập pháp thiện chính sách pháp luật; nâng cao ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, công chức trong công tác lãnh đạo, quản lý.

7. Cơ cấu của luận án

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu;

Chương 2. Những vấn đề lý luận về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng;

Chương 3. Thực trạng bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng ở nước ta hiện nay;

Chương 4. Quan điểm và các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng ở nước ta hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

Tiếp cận theo cách thức mới, theo các lĩnh vực của đề tài khoa học cấp bộ, cấp cơ sở, các luận án, luận văn, bài viết theo nhóm: Các vấn đề lý luận về bảo vệ người tố cáo; thực trạng và giải pháp chính sách pháp luật bảo vệ người tố cáo chống tham nhũng.

1.2. Đánh giá về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Có điểm chung: (1) đề cập khái niệm, nội hàm, vai trò bảo vệ người tố cáo chống tham nhũng; (2) tiếp cận quyền được bảo vệ trên các mặt dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; (3) đánh giá vai trò của nó và thực trạng hạn chế trong thực tiễn; (4) đưa ra giải pháp hoàn thiện chính sách bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

1.3. Về những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Cần phải hệ thống hóa các quan điểm; chuẩn hóa khái niệm, điều tra xã hội học, làm rõ bản chất, đặc điểm, vị trí vai trò, ý nghĩa, đánh giá các phương thức bảo vệ người tố cáo và mối quan hệ giữa chúng; nguyên nhân, lý do tồn tại để có các biện pháp thích ứng.

1.4. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

Lý thuyết chung và lý thuyết đặc thù, cách tiếp cận và nội dung của đề tài; khung phân tích để làm rõ lý thuyết; tiếp cận theo hệ thống, tiếp cận đa ngành, liên ngành, tiếp cận lịch sử, Logic...vv.

Kết luận Chương 1

Các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã có những điểm chung khá rõ về khái niệm tham nhũng, quyền tố cáo hành vi tham nhũng của công dân, cá nhân và quyền được bảo vệ khi thực hiện quyền này cũng như các nội hàm và vị trí, vai trò của nó.

Việc tiếp cận quyền tố cáo và quyền được bảo vệ tố cáo hành vi tham nhũng không chỉ dưới góc độ là một quyền dân sự mà còn ở các góc độ khác như một quyền con người, quyền cơ bản của công dân về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc biệt là đánh giá nhìn nhận về nó như một thành tố quan trọng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, là cơ sở cho việc thực hiện các quyền khác của công dân góp phần đấu tranh PCTN có hiệu quả.

Các công trình nghiên cứu đã phân tích, đánh giá về thực trạng khuôn khổ thể chế, chính sách pháp luật của mỗi quốc gia, lãnh thổ và đã có những điểm giống nhau khi đánh giá về thực trạng, tồn tại, hạn chế cũng như đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách đối với việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng. Các giá trị này giúp tác giả củng cố nhận thức làm cơ sở xác định các kết quả nghiên cứu mà luận án sẽ kế thừa những vấn đề mà các công trình khoa học chưa giải quyết hoặc phải tiếp tục nghiên cứu. Những kiến thức lý luận về nhu cầu giải pháp và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này là những tư liệu quan trọng cho việc nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và một số quốc gia tham khảo khi đề xuất những giải pháp có hiệu quả cho vấn đề này ở nước ta.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO HÀNH VI THAM NHƯNG

2.1. Bản chất, đặc điểm, vai trò, phạm vi giới hạn việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

2.1.1. Khái quát về sự hình thành và phát triển việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng có nguồn gốc từ thời xa xưa, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945, có việc khiếu nại tố cáo, đây là phương thức thể hiện dân chủ trực tiếp tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Vai trò làm chủ của nhân dân được ghi nhận trong các Hiến pháp 1959, đến Hiến pháp 2013 khẳng định: “*Ng nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo...*”.

2.1.2. Bản chất và đặc điểm của việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

2.1.2.1. Bản chất của tố cáo hành vi tham nhũng và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng là, *việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo pháp luật ngăn chặn các hành vi xâm hại, bảo vệ tính mạng sức khỏe, tài sản, danh dự uy tín nhân phẩm, vị trí việc làm và các quyền lợi khác của người tố cáo hành vi tham nhũng và người thân thích của người tố cáo hành vi tham nhũng.*

2.1.2.2. Các đặc điểm của tố cáo hành vi tham nhũng và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Sự bất bình của người biết hành vi chiếm đoạt công quỹ nhà nước, phản ứng bằng lời nói, viết, thông tin, đến cơ quan chức năng hoặc báo chí loan tin. Đối tượng bị tố cáo là cán bộ, công chức có chức vụ quyền hạn; người trả thù là người bị tố cáo hoặc người khác

ở thể chủ động, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm vị trí việc làm.

Chủ thể là cơ quan nhà nước và các chủ thể khác phối hợp; nguyên tắc giữ bí mật thông tin, kịp thời, toàn diện, tuyệt đối; đối tượng được bảo vệ là bản thân người tố cáo và người thân thích; nội dung, phương thức bảo vệ, giữ bí mật thông tin, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm và vị trí việc làm. Điểm đặc biệt là người bị tố cáo có “thể mạnh”, còn người tố cáo “thể yếu”.

2.1.3. Vai trò việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Bảo đảm được nguồn thông tin quan trọng phục vụ cho đấu tranh PCTN, mọi người bảo vệ các quyền của mình, Nhà nước vừa thấy được kém để khắc phục; góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước; đảm bảo các quyền tự do của con người, nâng cao tinh thần trách nhiệm mọi cơ quan, tổ chức, xã hội tham gia đấu tranh PCTN; góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và giải quyết các mối quan hệ trong bức xúc xã hội.

2.1.4. Phạm vi việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Bảo vệ nơi cư trú, làm việc, công tác, học tập, nơi có tài sản hoặc ở nơi khác trong nước; thời hạn bảo vệ còn phải tùy thuộc vào từng vụ việc; nội dung bảo vệ theo ba nhóm (2.1.5); chủ thể bảo vệ là người có thẩm quyền trong vi giới hạn và có thể phối hợp với chủ thể khác do người có thẩm quyền bảo vệ người tố cáo là “nhạc trưởng”.

2.1.5. Điều chỉnh pháp luật về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Nội dung điều chỉnh: giữ bí mật thông tin; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm; bảo vệ vị trí việc làm và các quyền lợi khác. Hình thức điều chỉnh bằng các hành vi hành chính theo Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Xử lý vi

phạm hành chính. Pháp luật điều chỉnh trong Luật Tố cáo 2011, Luật PCTN sửa đổi 2012, BLHS 1999 sửa đổi 2015...vv.

2.2. Khách thể và các phương thức bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

2.2.1. Khách thể bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng gắn trách nhiệm với nhà nước và công dân, xác lập các quyền và nghĩa vụ với nhau. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tố cáo hành vi tham nhũng, qua đó nhà nước bảo vệ được công dân và thấy được tồn tại để khắc phục. Công dân được các lợi ích vật chất, quyền nhân thân và tinh thần.

2.2.2. Phương thức bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Bảo vệ bí mật thông tin về người tố cáo bằng lược bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích theo chế độ bảo mật; *bảo vệ tính mạng, sức khỏe*, bằng di chuyển đến nơi an toàn, hạn chế đi lại, quan hệ giao tiếp,...; *bảo vệ tài sản*, bằng yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc bồi thường thiệt hại...; *bảo vệ danh dự, nhân phẩm uy tín*, bằng buộc xin lỗi, cải chính, khôi phục thiệt hại...; *bảo vệ vị trí công tác, việc làm*, bằng yêu cầu khôi phục vị trí việc làm, thu nhập...; *bảo vệ các quyền lợi nơi cư trú*, khôi phục các quyền lợi, nghĩa vụ công dân, cá nhân...

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

2.3.1. Quan điểm chính trị về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Nếu chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đúng đắn kịp thời là đã tôn trọng, lắng nghe, người dân, bảo vệ tài sản chung của toàn dân và lợi ích của Nhà nước không bị xâm hại. Ngược lại, chính sách đúng đắn, phù hợp mà không có quyết tâm chính trị thì chính sách ấy chỉ dừng lại ở mức độ lý thuyết, không thuyết phục vận động toàn dân sẽ rơi vào tình trạng “nói một đằng làm một nẻo” sẽ dẫn đến

“cha chung không ai khóc”, người dân sẽ mất niềm tin, thờ ơ vô cảm xa lánh Đảng và Nhà nước.

2.3.2. Hệ thống pháp luật và thực hiện pháp luật bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất phù hợp với thực tiễn có chính sách sự hỗ trợ tích cực bằng nguồn lực đủ mạnh sẽ đảm được hiệu quả trên thực tế. Ngược lại, pháp luật bất cập, thiếu thống nhất, người thực hiện thờ ơ vô cảm trước trách nhiệm của mình thì pháp luật không mang lại hiệu quả cho người tố cáo hành vi tham nhũng.

2.3.3. Nhận thức pháp luật và thực hiện pháp luật bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Tuyên truyền PBGDPL tốt làm cho mọi người ý thức trách nhiệm hơn về nguy hiểm của việc trả thù người chống tham nhũng và biết mình cần chống cái gì, bảo vệ cái gì,... Ngược lại chỉ là hình thức, mờ nhạt thì mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân ít hiểu biết đúng không dám làm, thấy sai trái, bất công không dám đấu tranh, “người ngay thì sợ kẻ gian” làm cho cả xã hội thiếu niềm tin.

2.3.4. Quan hệ quốc tế về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Việt Nam là thành viên của UNCAC, vấn đề bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trở nên “toàn cầu hóa” sẽ làm thay đổi tư duy nhận thức về quan điểm, phương hướng giải quyết các vấn đề có khoa học phù hợp với pháp luật quốc tế. Đặc biệt là nghiên cứu khoa học, đào tạo hỗ trợ tài chính... hoàn thiện chính sách pháp luật.

2.3.5. Các nguồn lực vật chất, nhân lực, điều kiện bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Các nguồn lực (nhân lực, kinh phí, trang thiết bị...), để đảm bảo thực hiện việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng theo pháp luật. Ngược lại, không đáp ứng được yêu cầu này thì dù luật pháp có nghiêm minh đến đâu, quyết tâm chính trị có lớn bằng mấy

cũng như “bài ca hợp xướng bị lạc điệu”. Các cơ quan chức năng có muốn cũng không đủ khả năng thực hiện được.

Kết luận Chương 2

Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng có nguồn gốc từ xa xưa, gắn liền với sự hình thành phát triển của các nhà nước. Ngày nay Đảng và Nhà nước coi đây là phương thức thể hiện dân chủ trực tiếp tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tôn trọng và bảo vệ, đảm bảo trên các mặt dân sự, kinh tế, văn hóa, chính trị xã hội.

Các vấn đề lý luận về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng các nước trên thế giới có quan điểm, nhận thức lý luận cơ bản có những điểm chung. Song cần phải chuẩn hóa khái niệm về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng nhằm thể hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, xã hội bằng tố cáo hành vi tham nhũng của công dân, cá nhân phù hợp với thể chế chính trị ở nước ta và làm rõ bản chất, đặc điểm, vai trò, phạm vi giới hạn, ý nghĩa của vấn đề này. Bên cạnh đó, vấn đề bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng ở một số nước trên thế giới có những ảnh hưởng tích cực với nước ta.

Ở nước ta, mối quan hệ nhà nước với công dân, cá nhân và xã hội xác lập nên các quyền và nghĩa vụ gắn kết với nhau, bảo đảm các quyền tố cáo và quyền được bảo vệ, nhà nước thấy được những hạn chế của mình để khắc phục. Các phương thức bảo vệ người tố cáo về tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm, vị trí việc làm, các quyền lợi khác của công dân. Các chính sách của Đảng, Nhà nước; điều chỉnh và áp dụng pháp luật; tuyên truyền giáo dục pháp luật; các nguồn lực đảm bảo thực hiện và các mối quan hệ quốc tế cũng như yêu cầu trong tình hình PCTN hiện nay đã thúc đẩy việc hoàn thiện các chính sách pháp luật bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng phù hợp với sự phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Chương 3

THỰC TRẠNG BẢO VỆ NGƯỜI TỔ CÁO HÀNH VI THAM NHƯNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Pháp luật hiện hành về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Hiến pháp 1959 đầu tiên ghi nhận quyền khiếu nại tố cáo thiệt hại được bồi thường; Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013 của thời kỳ đổi mới tiếp tục khẳng định “*ng nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại tố cáo*”. Nhà nước thể chế bằng Pháp lệnh, Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật PCTN, Luật Tố cáo và các Nghị định số 76/2012/NĐ-CP, Nghị định số 59/2013/NĐ-CP... và một số văn bản pháp luật liên quan BLHS năm 1999, BLTTHS năm 1999 sửa đổi có việc bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng... phát triển phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước.

3.1.2. Các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

a) bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng theo Luật Tố cáo gồm ba nhóm: (1) Bảo vệ bí mật thông tin bằng bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích, các thông tin cá nhân lưu trữ theo chế độ bảo mật, bố trí thời gian, địa điểm...(Điều 36). Mặc dù phù hợp nhưng không có quy chế riêng khó đảm bảo. (2) Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm người tố cáo khi có căn cứ, bố trí lực lượng, phương tiện, công cụ bảo vệ tại nơi cần thiết; tạm di chuyển người được bảo vệ tới nơi an toàn; hạn chế đi lại, giao tiếp, thay đổi đặc điểm...; về tài sản bị xâm hại thì áp dụng biện pháp yêu cầu chấm dứt vi phạm, xử lý vi phạm; về uy tín, danh dự, nhân phẩm khi có căn cứ

bị xâm hại, áp dụng biện pháp yêu cầu chấm dứt, buộc xin lỗi, cải chính, xử lý vi phạm (Điều 39). Như vậy đảm bảo yêu cầu thực tiễn nhưng có bất cập như thế nào “có căn cứ” “nơi cần thiết” và “nơi an toàn” thiếu chặt chẽ. (3) Bảo vệ vị trí công tác, việc làm là cán bộ, công chức, khi có căn cứ bị trù dập, phân biệt đối xử, mất thu nhập... áp dụng biện pháp chuyển công tác; người không phải viên chức thì công đoàn, cơ quan, tổ chức yêu cầu chấm dứt vi phạm, khôi phục công tác, việc làm, thu nhập... (Điều 37). Các quy định này đáp ứng với thực trạng nhưng chưa phù hợp với cải cách mô hình chức nghiệp sẽ khó khăn cho họ.

b) bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng theo Luật PCTN quy định cấm các hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố cáo, tố giác, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng (Điều 10); việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo Luật tố cáo (Điều 59) là tương đối phù hợp nhưng vẫn là chung chung thiếu cụ thể, khó thực hiện.

3.2. Thực tiễn bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng ở nước ta trong những năm qua

3.2.1. Tình hình tham nhũng và tố cáo hành vi tham nhũng

Chính sách lớn PCTN của Đảng, Nhà nước với “quyết tâm”, “quyết liệt” “không có vùng cấm”... có chuyển biến tích cực nhưng chưa đạt yêu mà còn nguy cơ diễn biến phức tạp hơn. Tham nhũng hiện nay không chỉ là vật chất mà còn là những thứ phí vật chất bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp, tràn lan khắp nơi trong đời sống xã hội. Tổ chức nghiên cứu quốc tế đánh giá Việt Nam là 10 nước tham nhũng nhất thế giới, nguyên nhân chủ yếu là người dân e ngại khi tố cáo tham nhũng vì “sợ bị trả thù”.

3.2.2. Thực tiễn về trả thù người tố cáo và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật

3.2.2.1. Bảo vệ bí mật thông tin người tố cáo hành vi tham nhũng

Trong 10 năm gần đây có 788 người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ nhưng kết quả thế nào thì không rõ mà thấy họ thường bị trả thù từ việc để lộ thông tin, như: bà Phan Thị Oanh cùng 04 người khác đơn tố cáo Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hòa Đức, Hà Nội nhân bản kết quả xét nghiệm để vụ lợi, ngày sau đó danh tính họ bị lộ nên bị dụ dỗ, đe dọa ép buộc bà Oanh rút lại đơn...vv.

3.2.2.2. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo hành vi tham nhũng

Thực trạng trả thù này diễn ra rất phổ biến, cơ quan chức năng nhà nước để mặc họ đối mặt với mọi nguy hiểm khiến họ tự đi tìm nơi bảo vệ cho mình, như: ông Phùng Chí Công quận Ô Môn, TP Cần Thơ tố cáo một số lãnh đạo quận làm giả mạo tài liệu chiếm 5 tỷ đồng, bị gây thương tích mà không có sự hỗ trợ nào nên nhờ Quân khu 7 phá vỡ kế hoạch chúng; bà Phan Thị Thanh Hương ở Báo người cao tuổi tố cáo lãnh đạo mình chiếm công quỹ 5 tỷ đồng đã bị bắt giam còn bà bị trù dập, hạ bậc lương, thu thẻ nhà báo, đe dọa, hai lần bị xe ô tô lao thẳng vào người. Hội người cao tuổi Việt Nam chỉ đạo khôi phục các quyền lợi...vv và rất nhiều các trường hợp được cơ quan, tổ chức bảo vệ không mang tính pháp lý.

3.2.2.3. Bảo vệ vị trí công tác, việc làm đối với người tố cáo hành vi tham nhũng

Tình trạng kỳ thị mặc cảm, phân biệt đối xử, lập bè kéo cánh cô lập, gây áp lực để rơi vào tâm thế bất ổn, tạo tình thế cho họ mắc lỗi để buộc thôi việc, cách chức, bắt tín nhiệm... như: bà Trương thị

Mỹ Anh, thủ quỹ Đội công trình quận Cái răng TP Cần Thơ, tố cáo Đội trưởng nhận hối lộ, dùng hóa đơn VAT giả liền bị điều đi làm việc khác nhọc nhằn, bà kêu cứu khắp nơi nhưng không được, nhờ Ban Chỉ đạo PCTN TP can thiệp mới được khôi phục...vv.

3.3. Đánh giá chung về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trong thời gian qua

3.3.1. Đánh giá thực trạng về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

3.3.1.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

- **Về kết quả đạt được:** (1) Về bảo vệ bí mật thông tin người tố cáo hành vi tham nhũng có những trường hợp không yêu cầu nhưng cơ quan chức năng thấy có nguy cơ trả thù vẫn bảo vệ. Các quy định của pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho công dân tự tin, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân ý thức được trách nhiệm của mình. (2) Về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm người tố cáo hành vi tham nhũng, tương đối phù hợp; các trình tự thủ tục rõ ràng... tạo hành lang pháp lý cho công dân tự đấu tranh bảo vệ mình, nhất là các biện pháp tự bảo vệ “không pháp lý”. (3) Về bảo vệ vị trí công tác, việc làm dù chưa sử dụng nhưng đã tạo được niềm tin cho người tố cáo có cơ sở đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình; các biện pháp “không pháp lý” tạo ra những giá trị về mặt chính trị, xã hội.

- **Về nguyên nhân đạt được:** Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng là chủ trương lớn Đảng và Nhà nước, pháp luật quy định xử lý nghiêm các hành vi trả thù người tố cáo. Mặt khác, Việt Nam là thành viên UNCAC, thì vấn đề này trở nên “toàn cầu hóa” và xã hội hóa sâu rộng trong đời sống xã hội, nâng cao tinh thần trách nhiệm mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia. Nhờ cơ chế công khai,

minh bạch hoạt động các cơ quan nhà nước để mọi người dân tham gia giám sát, trực tiếp quản lý nhà nước bằng tổ cáo hành vi tham nhũng.

3.3.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

- **Về tồn tại hạn chế:** (1) Về bảo vệ bí mật thông tin chưa có quy định riêng nên phải qua nhiều thủ tục, tiếp nhận, xử lý, kiểm tra xác minh... gây bất lợi cho người tố cáo. (2) Về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm người tố cáo, một số quy định chưa rõ, như: trách nhiệm bảo vệ nhiều cơ quan trong khi thẩm quyền của họ có giới hạn; một số thuật ngữ “căn cứ gây nguy hiểm”, “nơi cần thiết”, “nơi an toàn” chung chung; người có thẩm quyền không làm hết trách nhiệm. (3) Về bảo vệ vị trí công tác việc làm, xác định “căn cứ” bị trừ cấp, phân biệt đối xử để bảo vệ rất khó.

- **Về nguyên nhân:** Một số quy định pháp luật chưa rõ, như: căn cứ bảo vệ, thủ tục, trách nhiệm, phối hợp...; không có nguồn lực để thực hiện; người có thẩm quyền chối bỏ trách nhiệm nhưng không ai bị khiếu nại, tố cáo hay phê bình nhắc nhở; không được bảo vệ họ cũng sợ bị “tập đoàn” tham nhũng trả thù; ít hiểu biết pháp luật cũng ngại khó không dám làm; có sự buông lỏng của các cấp đảng chính quyền; trách nhiệm của các đoàn thể, chính trị xã hội và nhân dân đang còn mờ nhạt; sự thay đổi về pháp luật PCTN theo Nghị quyết TW 5 của BCH TW Đảng (khóa XI) “giải thể cơ quan PCTN” làm mất vai trò “nhạc trưởng” bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

3.3.2. Đánh giá về các tác động đến việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

3.3.2.1. Công tác lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Mặc dù chủ trương Đảng, Nhà về PCTN đúng đắn, pháp luật về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng tương đối đầy đủ với nhiều

“quyết tâm”, “quyết liệt”, nhưng “nói không đi đôi với làm”, “nói một đằng làm một nẻo”. Nhiều vụ án tham nhũng “dơ cao đánh khề” còn người tố cáo bị bỏ rơi đơn độc chống chọi với “hung thần”; vai trò lãnh đạo của cấp ủy chính quyền địa phương mờ nhạt, tình trạng trạng “cha chung không ai khóc” tác động tiêu cực đến ý thức xã hội.

3.3.2.2. Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với công tác bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Công tác này đang mờ nhạt, đơn điệu, ít có hình ảnh chân thực. Những gương điển hình vượt lên sự trả thù, dũng cảm đấu tranh PCTN trong đời sống rất nhiều nhưng chưa phản ánh kịp thời. Mọi người thấy được ngay những sai trái, bắt công để đấu tranh bảo vệ. Vì thiếu hiểu biết pháp luật nên việc đúng không dám làm, sai trái, bắt công không biết đấu tranh, “người ngay sợ kẻ gian” và ngay cả người có thẩm quyền nhiều nơi vẫn mơ hồ làm sai không biết sửa, biết đúng không dám làm, đùn đẩy trách nhiệm.

3.3.2.3. Công tác quan hệ quốc tế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Quan hệ các quốc tế về PCTN nước ta đạt được một số vấn đề ở nhiều lĩnh vực, song vấn đề bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng thì chưa đạt được; chưa tranh thủ được sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế bảo vệ người tố cáo ở nước ngoài và nghiên cứu khoa học, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc trong việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng hiện nay.

3.3.2.4. Công tác đảm bảo việc tổ chức thực hiện bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Nguồn lực về nhân lực, kinh phí, thiết bị, phương tiện kỹ thuật, công cụ hỗ trợ... đảm bảo cho việc thực hiện. Việc chỉ đạo “không quân” này dù có đúng đắn hay quyết tâm chính trị cao đến

mấy đi nữa mà không có nguồn lực thì cũng chỉ dừng lại ở mức lý thuyết. Bất cập này là điểm tồn tại hạn chế đáng kể nhất và cũng là nguyên nhân chưa bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

Kết luận Chương 3

Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng là phương thức thể hiện dân chủ trực tiếp tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách pháp luật phù hợp nhằm bảo vệ cho công dân phát huy quyền tự do dân chủ. Hiến pháp 1959 đến Hiến pháp sửa đổi 2013 đều ghi nhận và thể chế vào Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Tố cáo. Cơ sở pháp lý này giúp cho các cơ quan, tổ chức và công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhờ đó mà nhiều vụ án tham nhũng được phát hiện xử lý kịp thời thu hồi tài sản hàng ngàn tỷ đồng, xử lý rất nhiều cán bộ cao cấp từ cảnh cáo đến chung thân và tử hình.

Tuy nhiên, tình hình tham nhũng ở nước ta diễn ra khắp nơi trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội bằng nhiều thủ đoạn mới làm cho đấu tranh PCTN càng khó khăn hơn. Theo đó là tình trạng trả thù người tố cáo hành vi tham nhũng diễn ra rất phổ biến, xâm hại tính mạng sức khỏe, tài sản, danh dự uy tín nhân phẩm, vị trí việc làm của họ. Mặc dù pháp luật quy định tương đối rõ cùng với chính sách hỗ trợ tích cực nhưng vẫn đi vào cuộc sống, do nguyên nhân: một số quy định trong pháp luật còn bất cập chậm khắc phục; thiếu các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện pháp luật; việc phát hiện xử lý các hành vi xâm phạm đến người tố cáo chưa được cơ quan chức năng quan tâm. Đặc biệt là buông lỏng sự quản lý của các cấp ủy chính quyền, thiếu đôn đốc, kiểm tra, giám sát để tình trạng “cha chung không ai khóc”, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm để mặc cho người tố cáo đối mặt với mọi nguy hiểm nhưng không ai bị truy cứu trách

nhiệm. Nhiều người đã bắt lực phải chấp nhận thiệt thòi, nhưng cũng có nhiều người dũng cảm đấu tranh để được cơ quan, tổ chức khác bảo vệ thành công cho mình.

Chính sách hỗ trợ một số hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước, như: công tác lãnh đạo chỉ đạo của các cấp chính quyền, công tác tuyên truyền giáo dục, quan hệ hợp tác quốc tế, cơ chế đảm bảo phục vụ cho việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng chưa đáp ứng với yêu cầu. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, xã hội và nhân dân chưa vào cuộc, chưa làm cho người dân tin tưởng vào cơ quan bảo vệ pháp luật. Qua thực tiễn này chúng ta đánh giá nhìn nhận vấn đề khách quan sâu sắc và đầy đủ hơn để đề xuất các giải pháp bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng có hiệu quả, đáp ứng với đấu tranh PCTN ở nước ta hiện nay.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NGƯỜI TỔ CÁO HÀNH VI THAM NHƯNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

4.1. Nhu cầu tăng cường bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

4.1.1. Nhu cầu của bảo vệ quyền hiến định của công dân

Nhà nước mở rộng quyền công dân và trách nhiệm giải trình, trung cầu dân ý để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình góp ý xây dựng chính sách phục vụ lợi ích của mọi người dân. Đảm bảo các quyền về chính trị, kinh tế, dân sự, các lợi ích khác khi tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng tố cáo hành vi tham nhũng.

4.1.2. Nhu cầu về tính liêm khiết trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ lập pháp, hành pháp, tư pháp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; cải cách chế độ công vụ, công chức, chính sách công phục vụ đắc lực đời sống nhân dân. Trong đó, bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng là yêu cầu khách quan để công dân thực hiện quyền của mình và là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện.

4.1.3. Khắc phục hạn chế trong pháp luật và áp dụng pháp luật tăng cường hiệu quả bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Khắc phục những bất cập: bảo vệ bí mật thông tin người tố cáo, cần có cơ chế tiếp nhận riêng và chế tài xử lý nghiêm khắc đối với người vi phạm; các căn cứ bảo vệ bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm cần hiểu vấn đề theo định tính thuật ngữ “có căn cứ gây nguy hiểm”, “nơi cần thiết” “nơi an toàn”...

4.1.4. Nhu cầu trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa

Vấn đề bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng hiện trở nên “toàn cầu hóa”, cần phải tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là việc bảo vệ người tố cáo ở nước ngoài, nghiên cứu khoa học, đào tạo, trao đổi thông tin, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm.

4.2. Các quan điểm tăng cường bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

4.2.1. Phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thẩm quyền, người bảo vệ người tố cáo; thiết lập cơ quan PCTN; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế; tăng cường kiểm tra, giám sát của các cấp; phát huy vai trò các tổ chức thành viên khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đổi mới tuyên truyền PBGDPL, truyền thông báo chí; xử lý các hành vi vi phạm và khen thưởng người dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng.

4.2.2. Phù hợp với Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng và hội nhập quốc tế

Trên cơ sở Nghị quyết 21/NQ-CP về Chiến lược quốc gia PCTN, để xác định quan điểm tăng cường: nâng cao ý thức, trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sự tham gia của xã hội; bổ sung đội ngũ cán bộ, chế độ đãi ngộ thích hợp và cơ sở vật chất nguồn lực đảm bảo thực hiện; tăng cường quản lý về nhà nước, đảm bảo tính thống nhất bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

4.2.3. Đảm bảo sự thống nhất và tính kế thừa trong các quy định về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Hoàn thiện pháp luật bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trên cơ sở Hiến pháp 2013 và UNCAC và tổng kết, đánh giá thực

tiền đề sửa đổi bổ sung, loại bỏ những quy định không còn phù hợp; khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật.

4.3. Các giải pháp tăng cường bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

4.3.1. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Khắc phục tình trạng “nói không đi đôi với làm”, Ban Bí thư TW Đảng phải ra Nghị quyết về chuyên đề riêng về tăng cường bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng và bằng quan điểm tư tưởng chỉ đạo, thống nhất ý chí và hành động với quyết tâm chính trị thực sự giải quyết vấn đề bức xúc hiện nay.

4.3.2. Hoàn thiện chính sách pháp luật bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng theo hướng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thu hẹp lại đầu mối tiếp nhận tố cáo bằng một quy chế riêng, nghiêm ngặt xử lý báo thông tin về người tố cáo; bổ sung đối tượng được bảo vệ là người người tham gia bảo vệ người tố cáo; làm rõ nội hàm, tiêu chí bảo vệ, xây dựng quy chế phối hợp các bên; biện pháp bảo vệ “bình đẳng giới”; bổ sung vào quyền lợi về đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý đối với người tố cáo hành vi tham nhũng, “tiền cử” các chức danh này.

4.3.3. Đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

4.3.3.1. Bổ sung cơ chế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trong tổ chức và quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Trách nhiệm người đứng đầu tổ chức để xảy ra hành vi trả thù người tố cáo bất kỳ dưới hình thức nào; nâng cao đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức phục vụ tốt cho nhân dân.

4.3.3.2. Thể chế hóa các biện pháp bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trong các quy định của pháp luật dân sự

Cần thống nhất thực hiện chế định chịu trách nhiệm hành chính, dân sự, đối với người có thẩm quyền vi phạm và khen thưởng cao dành riêng cho người dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng.

4.3.4. Hoạch định chính sách về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Chính sách đối với người dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng được hưởng chế độ như thương binh, liệt sĩ, các quyền lợi khác; tái thành lập cơ quan PCTN có quyền năng bảo vệ người tố cáo; tăng cường nguồn lực để đáp ứng với yêu cầu trước mắt; cần chấp nhận tố cáo nặc danh và miễn trừ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm “vu khống”.

4.3.5. Tăng cường sự hợp tác quốc tế trong bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Thiết lập quan hệ hợp tác tương trợ tư pháp trong bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng họ ra nước ngoài hoặc có lợi ích, tài sản của họ ở nước ngoài; hợp tác về nghiên cứu khoa học, đào tạo, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật và tiếp thu chọn lọc kinh nghiệm quốc tế vận dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện nước ta.

4.3.6. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và nhân dân tham gia bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Thiết lập mối quan hệ trong hệ thống chính trị Đảng, Nhà nước và khối Mặt trận từ trên xuống theo ngành dọc và hệ thống ngang thành một mặt trận liên hoàn, bằng thiết chế pháp lý ràng buộc trách nhiệm giữa các bên trong việc kiểm tra giám sát và tham gia bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng. Đa dạng hóa các hình thức tiếp xúc cử tri, chất vấn, khiếu nại, tố cáo...; xóa bỏ mọi rào cản, khơi dậy tiềm năng, trí sáng tạo, phát huy nguồn lực mạnh mẽ của nhân dân.

4.3.7. Đổi mới công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức cán bộ và nhân dân

Lồng ghép các chuyên đề bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng vào giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng của; tăng cường năng lực cơ quan tuyên truyền; đa dạng hóa hình thức diễn đàn đối thoại, sáng tác tác phẩm nghệ thuật, văn học, kịch, phim truyện, tiểu phẩm, vinh danh người dũng cảm tố cáo... nhắc nhở mọi người không thờ ơ vô cảm với tệ nạn tham nhũng, nhất là cán bộ, công chức, viên chức.

4.3.8. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Phối hợp kiểm tra Đảng và kiểm tra chính quyền cùng với hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, các cơ quan thuộc khối Mặt trận phải chặt chẽ, có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế sự trùng lặp chồng chéo trong kiểm tra, giám sát; tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Tạo sự thống nhất trong kiểm tra, giám sát trong các hoạt động công quyền nhằm khắc phục tình trạng “cha chung không ai khóc” là yêu cầu khách quan.

4.3.9. Xử lý nghiêm khắc vi phạm pháp luật trong bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

4.3.9.1. Tăng cường các biện pháp hành chính về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng trong quy định pháp luật hành chính

Bổ sung chế tài mạnh xử lý đối với người để lộ bí mật thông tin người tố cáo, các hành vi trả thù người tố cáo; tăng trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và các biện pháp liên quan.

4.3.9.2. Tăng nặng các hình phạt các hình thức trả thù người tố cáo hành vi tham nhũng trong các quy định pháp luật về hình sự

Bổ sung 14 hành vi bị nghiêm cấm xâm phạm tới quyền của người tố cáo theo Luật Tố cáo vào BLHS sửa đổi 2015; bổ sung các quyền của người tố cáo được thu thập tài liệu, công bố tài liệu, từ chối yêu cầu, được mời, thay đổi chuyên gia, sử dụng phiên dịch, thay thế người tiến hành tố tụng...vào BLHS sửa đổi 2015; tăng nặng các khung hình phạt người trả thù tố cáo hành vi tham nhũng

4.3.10. Tăng cường dư luận, báo chí tuyên truyền bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng

Dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, người dân tham gia vào công việc của Nhà nước, mọi đại biểu phải được nhân dân bầu ra, giám sát, kiểm tra các hoạt động nhà nước; nâng cao vai trò cơ quan thông tấn báo chí thông tin tuyên truyền, phản ánh đưa tin kịp thời các vụ việc tiêu cực, tham nhũng để báo chí thực sự “là diễn đàn của nhân dân”; khuyến khích các hoạt động xã hội của các tổ chức xã hội dân sự, dự luận xã hội, khơi dậy tiềm năng, trí tuệ của nhân dân trong PCTN.

Kết luận chương 4

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi tham nhũng là thứ “giặc trong lòng” cực kỳ nguy hiểm làm xói mòn đạo đức xã hội, đe dọa tồn vong chế độ. Chống tham nhũng có nhiều cách nhưng hiệu quả nhất là bảo vệ được người tố cáo hành vi tham nhũng. Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách pháp luật đúng đắn, tương đối phù hợp nhưng đến nay vẫn chưa đi vào cuộc sống. Tình trạng người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù rất phổ biến, gây bức xúc trong đời sống xã hội làm cho người biết hành vi tham nhũng e ngại tố cáo. Nguyên nhân chủ yếu là yếu tố chủ quan: thiếu quyết tâm chính trị, thiếu các cơ chế đảm bảo thực hiện, thiếu kiểm tra giám sát; những

vướng mắc bắt cập chậm sửa đổi bổ sung; cơ quan chức năng nhà nước chưa làm hết trách nhiệm của mình; tuyên truyền giáo dục pháp luật mờ nhạt; vai trò các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân cũng như hoạt động báo chí chưa thực sự vào cuộc.

Trước nhu về quyền công dân, xây dựng hoàn thiện nhà nước của dân và hội nhập quốc tế, các quan điểm giải pháp tăng cường trên các phương diện đảng, chính quyền, đoàn thể: Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về nhận thức, tư tưởng và hành động; sửa đổi bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật đồng bộ; tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, hoạch định chính sách bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng; tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát của đảng, chính quyền, đoàn thể; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; đổi mới tuyên truyền giáo dục pháp luật và tăng cường các hoạt động dư luận, phản biện xã hội; phát huy vai trò cả hệ thống chính trị và nhân dân và khen thưởng người dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Văn Sỹ (2015), “Giải quyết tố cáo và bảo vệ người tố cáo - Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng”, *Tạp chí dân chủ & Pháp luật số 278/2015*.

2. Nguyễn Văn Sỹ (2016), “Một số kiến nghị tăng cường các biện pháp bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng”, *Tạp chí dân chủ & Pháp luật số 296/2016*.